SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; 12/03/2021 17:24:56

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16 /2021/NQ-HĐND	*Kon Tum, ngày 12 tháng 3 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2021 về ban hành Nghị quyết Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử.

Điều 2. Mức chi

1. Chi tổ chức các hội nghị, tập huấn

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

- Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh; các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nội vụ.

+ Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

- Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử cấp huyện, Ủy ban bầu cử cấp xã; các Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã; Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.

+ Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử

a) Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Đoàn của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Trưởng đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát: 30.000 đồng/người/buổi.

- Đoàn của Sở Nội vụ, Ủy ban bầu cử cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, các Ban bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố.

+ Trưởng đoàn giám sát: 60.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 40.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 25.000 đồng/người /buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo kết quả của đợt kiểm tra, giám sát của đoàn công tác: 200.000 đồng/báo cáo/đơn vị kiểm tra, tổng hợp. Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát toàn tỉnh 1.500.000 đồng/báo cáo tổng hợp/ cấp tỉnh; 800.000 đồng/báo cáo tổng hợp/cấp huyện, thành phố.

4. Chi xây dựng văn bản

Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, có liên quan đến công tác bầu cử do Ban chỉ đạo công tác bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện; Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ban hành *(kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử),* như sau:

- Xây dựng văn bản: 1.000.000 đồng/văn bản tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý.

- Xin ý kiến bằng văn bản: 50.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 200.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

- Các ủy viên Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 900.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 450.000 đồng/người/tháng; Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

- Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 600.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 300.000 đồng/người/tháng.

- Tổ viên Tổ giúp việc: Cấp tỉnh 500.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng.

b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử *(ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia các Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện)* được chi bồi dưỡng: Cấp tỉnh 100.000

đồng/người/ngày; Cấp huyện, xã 70.000 đồng/người/ngày; Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày *(không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);*

Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày: Cấp tỉnh 1.500.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện, xã 1.200.000 đồng/người/tháng; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày *(ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):* Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

- Thành viên Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 300.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng;

- Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 250.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện 150.000 đồng/người/tháng;

7. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

- Người được giao trực, tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 35.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 30.000 đồng/người/buổi.

8. Chi làm hòm phiếu, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử.

Trường hợp hòm phiếu cũ, dấu cũ không thể sử dụng, và chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung; thực hiện thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá: 350.000 đồng/hòm phiếu; 250.000 đồng/dấu; 1.500.000 đồng/bảng.

9. Chi in ấn tài liệu phục vụ bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

10. Các nội dung chi khác quy định tại Điều 2 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, nhưng chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác, thực hiện thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ khoán cước điện thoại di động: Thực hiện theo thời gian thực tế, tính từ thời điểm quyết định thành lập Ủy ban bầu cử các cấp, quyết định thành lập Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh, huyện, cho đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; nhưng tối đa không quá 5 tháng. Trường hợp thời gian phục vụ công tác bầu cử trong tháng có số ngày lẻ trên 15 ngày thì được tính bằng 1 tháng mức hỗ trợ; số ngày lẻ từ 15 ngày trở xuống thì tính mức hỗ trợ bằng ½ tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 10 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp *(Cục Kiểm tra văn bản pháp luật);*
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa